



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2019

Ngành: **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Mã số ngành: **7340201**

Số tín chỉ tích lũy: **133** tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			40	40	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
2	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
3	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
4	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			6	6	0	0	0	0	
1	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
2	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			12	12	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
2	MAN201	Quản trị học	3	3					
3	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
4	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
I.5.Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
I.6. Các học phần về tố chất cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			9	9	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 4 học phần)	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	NAS202	Toán cao cấp		3					
3	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông		3					
4	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3	3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)							
5	PSY201	Tâm lý học đại cương		3					
6	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
7	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
		(Chọn 1 trong 3 học phần)							
8	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
9	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt		3					
10	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	60	3	7	0	12	

II.1. Các học phần cơ sở ngành			18	17	0	1	0	0	
II.1a. Phần bắt buộc			15	14	0	1	0	0	
1	ECO303	Kinh tế vi mô	3	3					
2	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	3					
3	ECO302	Kinh tế lượng	3	3					
4	FIN301	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3	3					
5	FIN302	Nhập môn ngành Tài chính – Ngân hàng	2	2					
6	FIN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
II.1b. Phần tự chọn			3	3	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 5 học phần)	3						
1	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh		3					
2	BUS306	Thương mại điện tử		3					
3	PUR410	Quan hệ công chúng		3					
4	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3					
5	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo		3					
II.2. Các học phần chuyên ngành			49	43	0	6	0	12	
II.2a. Phần bắt buộc			37	31	0	6	0	0	
1	FIN409	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại cơ bản	3	3					
2	FIN410	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại nâng cao	3	3					FIN409
3	BUS424	Pháp luật trong kinh doanh	3	3					
4	FIN428	Thuế	3	3					ACC201
5	ACC408	Kế toán ngân hàng	3	3					ACC201
6	FIN435	Tài chính doanh nghiệp	3	3					
7	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	3					
8	FIN405	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	1					
9	FIN427	Thị trường tài chính	3	3					
10	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính	3	3					FIN420
11	FIN418	Tài chính cá nhân	3	3					ACC201
12	FIN437	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3			3			
13	FIN438	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3			3			
II.2b. Phần tự chọn			12	12	0	0	0	12	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	ACC410	Kế toán tài chính căn bản		3					ACC201
2	ACC409	Kế toán quản trị		3					ACC201
3	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
4	FIN413	Phân tích tài chính trên Excel		3					
5	FIN426	Thị trường ngoại hối		3					
6	FIN432	Bảo hiểm		3					
		(Chọn 1 trong 4 học phần)	3						
7	MAR413	Marketing ngân hàng		3					MAR201
8	FIN425	Thẩm định tín dụng		3					FIN409
9	FIN422	Tài chính quốc tế		3					FIN420
10	FIN406	Đầu tư chứng khoán		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
11	FIN407	Định giá doanh nghiệp		3					FIN420
12	MAN412	Quản trị dự án đầu tư		3					MAN201
13	FIN419	Tài chính công ty đa quốc gia		3					FIN420

		<i>Các HP tự chọn thay thế KLTN:</i>	12						
1	FIN417	Quản trị tài chính	3	3					ACC201
2	FIN414	Quản trị ngân hàng thương mại	3	3					FIN409
3	FIN424	Thanh toán quốc tế	3	3					
4	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	3					
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	FIN537	Thực tập tốt nghiệp	5			5			FIN431
2	FIN538	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	FIN536
III.HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			11	0	3	0	0	0	
1		Tin học chuẩn đầu ra							
2		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
3		Kỹ năng mềm							
4	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
5	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
6	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
7	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						